

Số: 1196 /SGD&ĐT-GDMN
V/v sử dụng phiếu theo dõi sức khỏe
trẻ trong trường mầm non

Bến Tre, ngày 21 tháng 10 năm 2009

Kính gửi: Các Phòng Giáo dục và Đào tạo.

Thực hiện chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) về triển khai hiện chương trình Giáo dục mầm non mới, đồng thời tạo thống nhất chung giữa các ngành chức năng trong việc theo dõi, đánh giá và chăm sóc sức khỏe trẻ em trên toàn tỉnh, Sở GD&ĐT hướng dẫn các Phòng GD&ĐT sử dụng phiếu theo dõi sức khỏe trẻ trong trường mầm non như sau:

1. Bắt đầu từ quý 3/2009, toàn bộ trẻ đến trường mầm non phải được theo dõi sức khỏe bằng Phiếu theo dõi sức khỏe trẻ em theo giới tính: Phiếu dùng cho bé gái màu hồng đậm và phiếu dùng cho bé trai màu xanh.

Nội dung phiếu gồm các thông tin theo dõi sức khỏe trẻ như: thông tin về cá nhân, theo dõi khám sức khỏe định kỳ và biểu đồ theo dõi sự phát triển của trẻ gồm 2 chỉ số: **cân nặng theo tuổi** và **chiều dài nằm/chiều cao đứng theo tuổi** (hiện Phiếu theo dõi sức khỏe trẻ em theo mẫu của Bộ GD&ĐT dùng cho trẻ từ lúc mới sinh cho đến khi 78 tháng đã được Công ty cổ phần Sách - Thiết bị trường học Bến Tre phát hành và cung cấp cho các Phòng GD&ĐT theo số lượng đăng ký vào tháng 9/2009).

2. Phiếu theo dõi sức khỏe trẻ cần được ghi chép đúng, đầy đủ, liên tục và quản lý cho đến khi trẻ rời khỏi trường mầm non.

3. Qui định số lần cân, đo đối với trẻ:

a. Cân nặng theo tuổi:

- Trẻ dưới 25 tháng tuổi cân hàng tháng.

- Trẻ 25 tháng tuổi đến 78 tháng tuổi cân hàng quý.

b. Đo chiều dài nằm/chiều cao đứng theo tuổi:

Chiều dài nằm (đối với trẻ dưới 25 tháng tuổi)/chiều cao đứng (đối với trẻ từ 25 đến 78 tháng tuổi) chỉ tổ chức đo 2 lần/năm (theo lịch khám sức khỏe của trường).

4. Hướng dẫn cách chấm biểu đồ theo dõi cân nặng theo tuổi và chiều dài nằm/chiều cao đứng theo tuổi (có bảng hướng dẫn chi tiết kèm theo).

5. Tổng hợp, báo cáo số liệu:

5.1 Số liệu nhà trường báo cáo về Phòng, Sở GD&ĐT (04 số liệu):

- Số trẻ được theo dõi biểu đồ phát triển trẻ em theo cân nặng ; tỷ lệ so với số trẻ ra lớp.

- Số trẻ được theo dõi biểu đồ phát triển trẻ em theo chiều cao; tỷ lệ so với số trẻ ra lớp.

- Số trẻ suy dinh dưỡng (SDD) theo cân nặng (bao gồm cả SDD vừa và SDD nặng); tỷ lệ so với trẻ được theo dõi biểu đồ phát triển cân nặng.

- Số trẻ SDD thể thấp còi (bao gồm thấp còi độ 1 và độ 2); tỷ lệ so với số trẻ được theo dõi biểu đồ phát triển chiều cao.

5.2 Số liệu nhà trường quản lý (08 số liệu) để điều chỉnh kế hoạch chăm sóc giáo dục trẻ phù hợp:

- 04 số liệu báo cáo về Phòng, Sở GD&ĐT.

- Số trẻ có đường biểu diễn cân nặng đi ngang (—); tỷ lệ so với trẻ được theo dõi biểu đồ phát triển cân nặng.

- Số trẻ có đường biểu diễn cân nặng đi xuống (↘); tỷ lệ so với trẻ được theo dõi biểu đồ phát triển cân nặng.

- Số trẻ có cân nặng cao hơn tuổi; tỷ lệ so với trẻ được theo dõi biểu đồ phát triển cân nặng.

- Số trẻ có chiều cao cao hơn tuổi; tỷ lệ so với trẻ được theo dõi biểu đồ phát triển chiều cao.

Quá trình thực hiện, các Phòng GD&ĐT theo dõi tổng hợp và báo cáo 4 số liệu trên về Sở GD&ĐT (Phòng Giáo dục Mầm non) theo mẫu đính kèm. Thời gian báo cáo vào tuần cuối tháng 3, tháng 9 và tháng 12 hàng năm.

Đề nghị các Phòng GD&ĐT thực hiện nghiêm túc tinh thần công văn này, trong quá trình triển khai thực hiện có vấn đề vướng mắc, cần phản ánh về Sở để kịp thời điều chỉnh.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT, P.GDMN.

10/ **GIÁM ĐỐC**
PHÓ GIÁM ĐỐC
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH BẾN TRÉ
Lê Văn Chín

TỔNG HỢP CÂN TRẺ TỪ 0 – 78 THÁNG
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU PCSDDTE QUÍ NĂM

Độ tuổi	T số trẻ ra lớp	Số trẻ được cân		Số trẻ được đo		Thừa cân		SDD cân nặng		Phân độ SDD theo cân nặng				SDD thấp còi		Phân độ SDD theo chiều cao			
										Độ 1		Độ 2				Thấp còi độ 1		Thấp còi độ 2	
		T số	%	T số	%	T số	%	T số	%	T số	%	T số	%	T số	%	T số	%	T số	%
0-12 tháng																			
13-24																			
25-60																			
NT																			
MG																			
0-60																			
> 60 tháng																			

Người lập bảng
(Ký tên)

TRƯỞNG PHÒNG
(Ký tên và đóng dấu)

HƯỚNG DẪN CÁCH SỬ DỤNG BIỂU ĐỒ PHÁT TRIỂN TRẺ EM

1. Cân trẻ:

1.1 Chọn địa điểm cân trẻ:

- Địa điểm cân phải an toàn cho trẻ.
- Mát mẻ về mùa hè, ấm áp về mùa đông
- Nền nhà phẳng và chắc
- Tiện cho các bà mẹ mang con đến cân

• Sử dụng cân:

➤ Cân treo

- Chỗ treo cân phải chắc chắn và đảm bảo an toàn cho trẻ.
- Treo cân ngang tầm mắt để người cân có thể đọc cân nặng của trẻ

một cách dễ dàng và chính xác.

- Trước khi cân phải thử cân bằng một vật chuẩn.
- Cân thận kiểm tra cân một lần nữa trước khi cân.
- Nếu sử dụng rô cân hoặc quang cân phải nhớ trừ bì.

➤ Cân bàn

- Đặt cân ở trên nền nhà bằng phẳng và chắc chắn.
- Kiểm tra máng cân phải chắc chắn và an toàn khi cân trẻ
- Mặt cân hướng ra nơi có nhiều ánh sáng để dễ đọc
- Trước mỗi lần cân phải cân thử kiểm tra lại bằng vật chuẩn

• Cách cân trẻ như thế nào?

- Mùa hè nên cởi hết quần áo của trẻ. Mùa đông nếu trẻ mặc quần áo dày, phải trừ bì quần áo.

- Cân thận đặt trẻ vào rô cân/ máng cân.
- Khi cân trẻ cố gắng đọc số cân nặng của trẻ khi trẻ ngồi im.
- Số cân nặng chính xác đến 100 gam (ví dụ: 8,7 kg)

2.2. Đo chiều dài nằm của trẻ

• Chọn địa điểm đo chiều dài nằm của trẻ:

- Thước đo nằm được đặt trên bàn cao khoảng 70-80 cm
- Bàn đặt thước phải an toàn cho trẻ khi đo và đặt trên nền nhà phẳng và chắc chắn
- Một mép bàn nên dựa vào tường chắc để đề phòng trẻ có thể bị ngã xuống từ phía không có người đứng

• Cách đo chiều dài nằm của trẻ

➤ Cách đo chiều dài nằm của trẻ dưới 25 tháng

- Đặt thước cố định trên mặt bàn với thanh trượt vuông góc với mặt thước
- Cần hai người để có thể đo chiều dài nằm trẻ được chính xác
- Trẻ mặc quần áo nhẹ hoặc tã lót, không đi giày dép
- Trẻ đặt nằm ngửa trên mặt thước, mặt hướng lên trần nhà, đầu chạm nhẹ vào thanh chắn đầu của thước, hai chân được giữ cho duỗi thẳng. Dịch

thanh trượt đi động từ dưới lên cho đến khi chạm và ép toàn bộ vào mặt bàn chân của trẻ.

- Đọc kết quả đo với độ chính xác 0,1 cm

- *Cách đo chiều cao đứng của trẻ từ 25 tháng trở lên cho đến 5 tuổi*

- Đặt thước đo chiều cao cố định trên nền nhà phẳng và chắc, mặt thước áp sát vào tường hoặc cột thẳng đứng.

- Trẻ mặc quần áo nhẹ, không đi giày dép, đứng áp sát đầu, lưng, hông, bắp và gót chân vào mặt thước, hướng mặt về phía trước. Cho trẻ đứng thẳng, vai và tay buông thõng tự do ở hai bên người, đầu gối không được trùng.

- Dịch thanh chặn nhẹ nhàng cho đến khi chạm vào đỉnh đầu của trẻ.

- Khi đọc thì tầm mắt của người đo phải ngang với thanh chặn của thước đo sau khi đã chạm vào đỉnh đầu của trẻ.

- Đọc kết quả đo với độ chính xác là 0,1 cm.

3.2. Cách sử dụng biểu đồ

BDPT bao gồm các thành phần sau:

- *Hai mặt của biểu đồ:*

- BDPT bao gồm hai loại biểu đồ trên cả hai mặt: Biểu đồ cân nặng theo tuổi và biểu đồ chiều dài nằm/ chiều cao đứng theo tuổi.

- Trục tháng tuổi (nằm ở phía dưới của biểu đồ): từ 0 đến 78 tháng và được nhóm từ 1 đến 6 tuổi.

- Biểu đồ theo dõi cân nặng theo tuổi: Trục cân nặng từ 0 đến 30 kg ở bên trái và từ 8 đến 36 kg (chia 2 kg)

- Biểu đồ theo dõi chiều dài nằm/ chiều cao theo tuổi: Trục chiều dài nằm/ chiều cao đứng từ 45 đến 125 cm ở bên trái và từ 90 đến 140 cm nằm ở bên phải.

- *Các kênh phát triển*

- Kênh được giới hạn bởi đường -2 và +2 được gọi là kênh “**bình thường**”. Có khoảng 95% số trẻ của quần thể tham khảo của WHO nằm trong kênh này. Phần màu xanh gọi là “kênh bình thường”. Kênh này được giới hạn bởi hai đường màu đỏ và có một đường trung bình màu xanh ở giữa.

Hai phần trên và dưới của “kênh bình thường” được là “kênh nguy cơ”.

- Kênh được giới hạn đường -2 và -3 được gọi là kênh “**dưới -2**”. Có khoảng 2% số trẻ của quần thể tham khảo của WHO nằm trong kênh này.

- Kênh nằm dưới đường -3 được gọi là kênh “**dưới -3**”. Có khoảng 0.5% số trẻ của quần thể tham khảo của WHO nằm trong kênh này.

- Kênh được giới hạn đường + 2 và + 3 được gọi là kênh “**trên +2**”. Có khoảng 2% số trẻ của quần thể tham khảo của WHO nằm trong kênh này.

- Kênh nằm trên đường +3 được gọi là kênh “trên +3”. Có khoảng 0.5% số trẻ của quần thể tham khảo của WHO nằm trong kênh này.

- Các vấn đề của tăng trưởng và kênh biểu đồ

Kênh có điểm chấm trên biểu đồ	Chiều cao/ chiều dài theo tuổi	Cân nặng theo tuổi
Trên +3	Chiều cao nằm, đứng cao hơn tuổi	Cân nặng cao hơn tuổi
Trên +2 đến +3		
Bình thường	Giới hạn bình thường	
Dưới -2 đến -3	Trẻ thấp còi độ 1	Trẻ suy dinh dưỡng nhẹ cân
Dưới -3	Trẻ thấp còi độ 2	Trẻ suy dinh dưỡng nặng

3.3. Hướng dẫn lập lịch tháng tuổi:

- Viết tháng sinh của trẻ vào ô đầu tiên trong lịch tháng tuổi
- Những ô tiếp theo ghi những tháng tiếp theo sau tháng sinh của trẻ
- Hết 1 năm lại chuyển sang một năm mới (nhớ đánh dấu năm mới ở phía dưới ô tháng 1 của năm đó), cứ như vậy lập cho đến hết

3.4. Chấm biểu đồ

- Chấm BDPT cân nặng theo tuổi
 - Trước khi chấm BDPT cân nặng theo tuổi, giáo viên phải chắc chắn rằng lịch tháng tuổi đã hoàn thành.
 - Sau khi đã có cân nặng của trẻ và tháng cân trẻ, dùng ê-ke (hoặc một tờ giấy gấp bốn) để tìm ra điểm chấm trên biểu đồ, một cạnh của ê-ke cắt trực tháng tuổi tương ứng với tháng cân trẻ, cạnh kia tương ứng với cân nặng của trẻ. Đỉnh góc vuông của ê-ke chính là điểm chấm được trên BDPT. Lúc này bạn có thể biết được tình trạng dinh dưỡng và đường phát triển của trẻ.
 - Giáo viên sử dụng kết quả thực hành cân trẻ và chấm trên BDPT cân nặng theo tuổi
- Chấm BDPT chiều dài nằm/ chiều cao đứng theo tuổi
 - Tương tự như khi chấm BDPT cân nặng theo tuổi, trước khi chấm BDPT chiều cao theo tuổi, Giáo viên phải chắc chắn rằng lịch tháng tuổi đã hoàn thành.
 - Sau khi đã có chiều dài nằm đối với trẻ dưới 25 tháng tuổi hoặc chiều cao đứng đối với trẻ từ 25 tháng tuổi, dùng ê-ke (hoặc một tờ giấy gấp

bốn) để tìm ra điểm chấm trên biểu đồ, một cạnh của ê-ke cắt trục tháng tuổi tương ứng với tháng đo trẻ, cạnh kia tương ứng với chiều dài nằm hoặc chiều cao đứng của trẻ. Đỉnh góc vuông của ê-ke chính là điểm chấm được trên BĐPT. Lúc này bạn có thể biết được tình trạng dinh dưỡng và đường phát triển của trẻ.

- Giáo viên sử dụng kết quả thực hành đo chiều cao của trẻ và chấm trên BĐPT chiều dài nằm/ chiều cao đứng theo tuổi

- *Vẽ đường phát triển*

➤ Sau nhiều lần cân đo trẻ, đường nối các điểm đã chấm được nối với nhau sẽ là đường phát triển của trẻ.

- Nếu đường phát triển của trẻ theo hướng đi lên, điều này có nghĩa là trẻ đang phát triển tốt (hay xu hướng phát triển của trẻ là tốt)

- Nếu đường phát triển của trẻ nằm ngang hay đi xuống, điều này có nghĩa là trẻ phát triển không tốt (hay xu hướng phát triển của trẻ không tốt).

- Bình thường thì đường phát triển của trẻ cho đến 3 tuổi chạy dọc bên trong kênh bình thường và dao động xung quanh đường 0. Khi đường phát triển của trẻ đi qua đường -2 hoặc -3 có thể là các dấu hiệu trục trặc trong sự phát triển của trẻ.

➤ Vị trí của điểm chấm cân nặng và chiều cao ở các kênh phản ánh tình trạng dinh dưỡng khác nhau của trẻ dựa vào ngưỡng xác định của quần thể chuẩn

- Phần màu xanh gọi là “kênh bình thường”. Kênh này được giới hạn bởi hai đường màu đỏ và có một đường trung bình màu xanh ở giữa.

- Hai phần trên và dưới của “kênh bình thường” được là “kênh nguy cơ”. Nếu “kênh nguy cơ” chạy phía dưới kênh bình thường thì gọi là “kênh nguy cơ dưới”. Nếu “kênh nguy cơ” chạy phía trên kênh bình thường thì gọi là “kênh nguy cơ trên”, còn gọi là “kênh các vấn đề dinh dưỡng”. Nếu kênh nằm ở trên các đường kênh phát triển thì gọi là “Kênh các vấn đề trên” và nếu nằm ở dưới thì gọi là “Kênh các vấn đề dưới”.

Ví dụ cụ thể

Bài tập: Cháu Ngô Việt Anh

Sinh tháng 6 năm 2008 – cân nặng khi sinh là 3kg

Kết quả theo dõi cân nặng hàng tháng như sau:

- Tháng 7/2008 : 4,5kg
- Tháng 8/2008 : 5,5kg
- Tháng 9/2008 : 6,5kg
- Tháng 10/2008 : 7,5kg
- Tháng 11/2008 : 7,9kg
- Tháng 12/2008 : 7,9kg

- Tháng 1/2009 : 7,5kg(sốt)
- Tháng 2/2009 : 8,0kg
- Tháng 3/2009 : 9,0 kg
- Tháng 4/2009 : 9,5kg
- Tháng 5/2009 : 10,2 kg
- Tháng 6/2009 : 11,0kg

Sau khi theo cân nặng, chiều cao và chấm lên biểu đồ

*** Theo đường biểu đồ:**

- Nếu cân nặng và chiều cao của trẻ nằm ở kênh màu xanh và đường biểu diễn có hướng đi lên (—) là trẻ phát triển bình thường

- Nếu cân nặng và chiều cao của trẻ có hướng nằm ngang (—) đe dọa

- Nếu cân nặng của trẻ có hướng đi xuống (↘) là nguy hiểm

*** Theo vị trí của điểm chấm trên biểu đồ**

• **Cân nặng theo tuổi**

- Nếu cân nặng của trẻ nằm ở kênh có màu đỏ là suy dinh dưỡng (theo cân nặng)

+ Nếu cân nặng của trẻ nằm ở kênh màu đỏ nhạt là SDD vừa

+ Nếu cân nặng của trẻ nằm ở kênh màu đỏ đậm là SDD nặng

- Nếu cân nặng của trẻ nằm ở kênh màu vàng là cân nặng cao hơn tuổi

• **Chiều cao theo tuổi**

- Nếu chiều dài/ cao của trẻ nằm ở kênh có màu đỏ là thấp còi (theo chiều cao)

+ Nếu chiều cao của trẻ nằm ở kênh màu đỏ nhạt là thấp còi độ 1

+ Nếu chiều cao của trẻ nằm ở kênh màu đỏ đậm là thấp còi độ 2

- Nếu chiều cao của trẻ nằm ở kênh màu vàng là chiều dài/cao cao hơn tuổi

Tuy nhiên, để đánh giá trẻ béo phì phải dựa vào chỉ số cân nặng theo chiều cao